



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 15811225

Khách hàng  
Địa chỉ  
Địa chỉ quan trắc  
Người quan trắc  
Loại mẫu  
Số lượng mẫu  
Tình trạng mẫu  
Thời gian nhận mẫu tại  
PTN  
Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Hà Nội  
Km số 10 đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.  
Km số 10 đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.  
Cán bộ Viện kỹ thuật và Công nghệ Môi trường  
Nước thải  
01  
Bảo quản lạnh  
06/12/2025  
06/12/2025-16/12/2025

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu phân tích                                 | Đơn vị     | Phương pháp phân tích                          | Kết quả        | QCVN 14:2008/BTNMT (B) |
|----|----------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------|
|    |                                                    |            |                                                | NT01           |                        |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                                  | -          | TCVN 6492:2011                                 | 7,0            | 5 - 9                  |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>           | mg/l       | TCVN 6001-1:2008                               | 29,8           | 50                     |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng <sup>(a,b)</sup>             | mg/l       | TCVN 6625:2000                                 | 81,0           | 100                    |
| 4  | Tổng chất rắn hòa tan <sup>(b)</sup>               | mg/l       | ITET/HD.HT/01                                  | 228            | 1000                   |
| 5  | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S) <sup>(b)</sup> | mg/l       | SMEWW 4500-S2-F:2017                           | KPH (LOD=0,02) | 4,0                    |
| 6  | Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>               | mg/l       | TCVN 6179-1:1996                               | 1,84           | 10                     |
| 7  | Nitrat (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>              | mg/l       | SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017 | 0,6            | 50                     |
| 8  | Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>               | mg/l       | SMEWW 5520B&F:2017                             | KPH (LOD=0,3)  | 20                     |
| 9  | Tổng các chất hoạt động bề mặt <sup>(b)</sup>      | mg/l       | SMEWW 9221B:2017                               | KPH (LOD=0,03) | 10                     |
| 10 | Phosphat (tính theo P) <sup>(a,b)</sup>            | mg/l       | TCVN 6202:2008                                 | 2,8            | 10                     |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup>                            | MPN/100 ml | SMEWW 9221B:2017                               | 3.900          | 5.000                  |

#### Ghi chú:

- Vị trí: NT01: Mẫu nước thải tại điểm xả ra hệ thống thoát nước của khu vực, (tọa độ: X: 2321254 Y: 581997).

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận VIMCERT 112
- Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp
- Các chỉ tiêu đánh dấu (d): Kết quả mang tính chất tham khảo – Chỉ tiêu chưa được chứng nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- **Quy chuẩn so sánh:** QCVN 14 : 2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ)

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG PTCLMT  
P.TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Thu**

**VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG**



**VIỆN TRƯỞNG**

**TS. KHMT. Đặng Xuân Trường**

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vimecert 112
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp
6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d): Kết quả mang tính chất tham khảo – Chỉ tiêu chưa được chứng nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.